

yếu, chấm một số vở).

- Mời học sinh trình bày bài làm
- Nhận xét, bổ sung, chốt lại

### **Bài tập 4:**

- Gọi học sinh đọc yêu cầu bài
- Yêu cầu học sinh thảo luận theo cặp
- Mời học sinh trình bày trước lớp.
- Giáo viên theo dõi nhận xét, chốt lại và tuyên dương.

### **3) Cũng cố - dặn dò:**

- Yêu cầu học sinh nêu lại hàng và lớp theo thứ tự từ nhỏ đến lớn
- Các số đến hàng triệu có mấy chữ số?
- Các số đến hàng chục triệu có mấy chữ số?
- Các số đến hàng trăm triệu có mấy chữ số?
- Kể tên các hàng & các lớp đã học?
- Chuẩn bị bài: *Luyện tập* (SGK trang 17)
- Nhận xét tiết học

- Học sinh trình bày bài làm
- Nhận xét, bổ sung, chốt lại
- a) 613 000 000                      b) 131 326 103
- c) 512 326 103                      d) 86 004 702
- e) 800 004 720

- Học sinh đọc: *Nêu giá trị của chữ số 5 trong mỗi số sau*
- Học sinh thảo luận cặp
- Một số cặp trình bày trước lớp.
- Nhận xét, bổ sung, chốt lại
- a) 715 638: giá trị chữ số 5 là: 5000
- b) 571 638: giá trị chữ số 5 là: 500 000
- c) 836 571: giá trị chữ số 5 là: 500

- HS nêu : *Hàng đơn vị; hàng chục; hàng trăm; hàng nghìn; hàng chục nghìn; hàng trăm nghìn; hàng triệu; hàng chục triệu; hàng trăm triệu.*
- + *Lớp đơn vị; lớp nghìn; lớp triệu.*
- Có 7 chữ số.
- Có 8 chữ số.
- Có 9 chữ số.
- Cả lớp theo dõi

**TIẾT 2:****CHÍNH TẢ (NGHE VIẾT)  
CHÁU NGHE CÂU CHUYỆN CỦA BÀ****I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:**

- Nghe – viết và trình bày bài chính tả sạch sẽ; biết trình bày đúng các dòng thơ lục bát, các khổ thơ.

- Làm đúng BT(2) a/b, hoặc bài tập do giáo viên soạn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:**

Sách giáo khoa, bảng phụ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU :**

<b>HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN</b>	<b>HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH</b>
<p><b>1) Kiểm tra bài cũ:</b> <i>Mười năm công bạn đi học</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV mời 1 HS đọc cho các bạn viết những tiếng có âm đầu là s/x hoặc vần ă/âng trong BT2, tiết CT trước</li> <li>- GV nhận xét &amp; chấm điểm</li> </ul> <p><b>2) Dạy bài mới:</b> <b>Giới thiệu bài</b> <i>Cháu nghe câu chuyện của bà</i></p> <p><b>Hoạt động 1:</b> Hướng dẫn học sinh nghe - viết chính tả</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV đọc đoạn văn cần viết chính tả</li> <li>- Mời học sinh đọc lại đoạn chính tả</li> <li>+ Nội dung bài này là gì?</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên yêu cầu học sinh đọc thầm lại đoạn văn cần viết &amp; cho biết những từ ngữ cần phải chú ý khi viết bài</li> <li>- Giáo viên viết bảng những từ học sinh dễ viết sai &amp; hướng dẫn học sinh nhận xét</li> <li>- Giáo viên yêu cầu học sinh viết những từ ngữ dễ viết sai vào bảng con</li> <li>- Giáo viên đọc từng câu, từng cụm từ 2 lượt cho học sinh viết</li> <li>- GV đọc toàn bài chính tả 1 lượt</li> <li>- Giáo viên chấm bài 1 số HS &amp; yêu cầu từng cặp</li> <li>- Chấm điểm, nhận xét chung</li> </ul> <p><b>Hoạt động 2:</b> H. dẫn HS làm bài tập chính tả</p> <p><b>Bài tập 2</b> (lựa chọn a):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mời hs đọc yêu cầu và đoạn văn bài tập 2a</li> <li>- Yêu cầu học sinh làm bài vào vở</li> <li>- Giáo viên dán 4 tờ phiếu đã viết nội dung truyện lên bảng, mời học sinh lên bảng làm thi</li> <li>- GV nhận xét kết quả bài làm của học sinh, chốt lại lời giải đúng, kết luận bạn thắng cuộc.</li> <li>- GV giải thích cho HS hiểu: <i>Trúc dẫu cháy, đốt ngay vẫn thẳng</i> nghĩa là thân trúc, tre đều</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2 HS viết bảng lớp, cả lớp viết bảng con: <i>xua đuôi, săn bắt, sinh sản, xăng dầu, nhãn nhỏ.</i></li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cả lớp theo dõi</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh theo dõi trong SGK</li> <li>- Học sinh đọc đoạn chính tả</li> <li>+ Bài thơ nói về tình thương của hai bà cháu dành cho một cụ già bị lạc đường.</li> <li>- HS đọc thầm lại đoạn văn cần viết nêu những hiện tượng mình dễ viết sai: <i>mỏi, gập, dẫn, lạc, về, bỗng nhiên.</i></li> <li>- Học sinh phân tích nhận xét</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh luyện viết bảng con</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh cả lớp nghe – viết vào vở</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh soát lại bài</li> <li>- Học sinh đổi vở cho nhau để soát lỗi chính tả</li> <li>- Cả lớp theo dõi</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc yêu cầu của bài tập và đoạn văn</li> <li>- Cả lớp làm bài vào vở</li> <li>- 4 HS lên bảng làm vào phiếu. Từng em đọc lại đoạn văn đã hoàn chỉnh</li> <li>- Cả lớp nhận xét kết quả làm bài, sửa bài theo lời giải đúng</li> </ul> <p>Lời giải đúng: a) tre – không chịu – Trúc dẫu</p>

<p>có nhiều đốt, dù trúc, tre bị thiêu cháy thì đốt của nó vẫn giữ nguyên dáng thẳng như trước. Đoạn văn này muốn ca ngợi cây tre thẳng thắn, bất khuất, là bạn của con người.</p> <p><b>3) Củng cố - dặn dò:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu học sinh nêu lại nội dung vừa học của học sinh.</li> <li>- Yêu cầu mỗi HS về nhà tìm 5 từ chỉ tên các con vật bắt đầu bằng chữ <i>tr/ch</i> hoặc 5 từ chỉ đồ đạc trong nhà mang thanh hỏi hoặc thanh ngã</li> <li>- Chuẩn bị bài: <i>(Nhớ-viết) Truyện cổ nước mình</i></li> <li>- Giáo viên nhận xét tinh thần, thái độ học tập</li> </ul>	<p>cháy – Tre – tre – đồng chí – chiến đấu – Tre</p> <p>b) triển lãm – bảo – thử – vẽ cảnh – cảnh hoàng hôn – vẽ cảnh hoàng hôn – khẳng định – bởi vì – họa sĩ – vẽ tranh – ở cạnh – chẳng bao giờ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh nêu</li> <li>- Cả lớp theo dõi</li> </ul>
--	--

**TIẾT 3:**

**KHOA HỌC  
VAI TRÒ CỦA CHẤT ĐẠM VÀ CHẤT BÉO  
ĐÃ SOẠN VÀO NGÀY THỨ 2**

**TIẾT 4:**

**KỂ CHUYỆN  
KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE – ĐÃ ĐỌC**

**I. MỤC TIÊU:**

- Kể được câu chuyện (mẩu chuyện, đoạn chuyện) đã nghe, đã đọc có nhân vật, có ý nghĩa, nói về lòng nhân hậu (theo gợi ý SGK).
- Lời kể rõ ràng, rành mạch, bước đầu biết biểu lộ tình cảm qua giọng kể.
- Chăm chú theo dõi bạn kể chuyện. Nhận xét, đánh giá đúng lời kể của bạn, kể tiếp được lời kể của bạn.
- Luôn sống nhân hậu, thương yêu đồng loại.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:**

Giấy khổ to viết gợi ý 3 trong SGK,

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU:**

<b>HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN</b>	<b>HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH</b>
<p><b>1) Kiểm tra bài cũ:</b> <i>Kể chuyện đã nghe – đã đọc</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên yêu cầu học sinh kể lại câu chuyện thơ <i>Nàng tiên Ốc</i></li> <li>- Giáo viên nhận xét &amp; chấm điểm</li> </ul> <p><b>2) Dạy bài mới:</b></p> <p><b>Hoạt động 1: Giới thiệu bài</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong tiết học này, các em sẽ kể cho nhau nghe những câu chuyện nói về lòng nhân hậu, tình cảm thương yêu, đùm bọc lẫn nhau giữa người với người. Qua tiết học, các em sẽ biết ai chọn được câu chuyện hay nhất, ai kể chuyện hấp dẫn nhất.</li> <li>- Giáo viên mời một số học sinh giới thiệu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2 học sinh lên bảng kể .</li> <li>- Học sinh theo dõi nhận xét</li> <li>- Cả lớp theo dõi</li> <li>- Học sinh tiếp nối nhau giới thiệu câu</li> </ul>

những truyện mà các em mang đến lớp

### **Hoạt động 2: Hướng dẫn HS kể chuyện**

- Hướng dẫn HS hiểu yêu cầu của đề bài  
- Giáo viên gạch dưới những chữ sau trong đề bài giúp HS xác định đúng yêu cầu, tránh kể chuyện lạc đề: Kể lại một câu chuyện em đã được nghe (nghe qua ông bà, cha mẹ hay ai đó kể lại), được đọc (tự em tìm đọc được) về lòng nhân hậu.

- GV nhắc HS: những bài thơ, truyện đọc được nêu làm ví dụ (*Mẹ ốm, Các em nhỏ và cụ già, ...*) là những bài trong SGK, giúp các em biết những biểu hiện của lòng nhân hậu. Em nên kể những câu chuyện ngoài SGK. Nếu không tìm được câu chuyện ngoài SGK, em có thể kể một trong những truyện đó. Khi ấy, em sẽ không được tính điểm cao bằng những bạn tự tìm được truyện.

- Giáo viên mời học sinh nối tiếp nhau đọc các ý 1, 2, 3, 4

- GV dán bảng tờ giấy đã viết sẵn dàn bài kể chuyện, nhắc HS:

+ Trước khi kể, các em cần giới thiệu với các bạn câu chuyện của mình (Tên truyện; Em đã nghe câu chuyện từ ai hoặc đã đọc truyện này ở đâu?)

+ Kể chuyện phải có đầu có cuối, có mở đầu, diễn biến, kết thúc.

\* GV lưu ý HS: *Với những truyện khá dài mà HS không kể hết được, GV cho phép HS chỉ cần kể 1, 2 đoạn – chọn đoạn có sự kiện nổi bật, có ý nghĩa. Nếu có bạn tò mò muốn nghe tiếp câu chuyện, các em có thể kể lại cho các bạn nghe hết câu chuyện vào giờ ra chơi hoặc sẽ cho bạn mượn truyện để đọc.*

- Yêu cầu học sinh tiếp nối nhau giới thiệu với các bạn câu chuyện của mình

a) Giáo viên yêu cầu học sinh kể chuyện theo nhóm

b) Yêu cầu HS thi kể chuyện trước lớp

- Giáo viên mời những học sinh xung phong lên trước lớp kể mẫu câu chuyện

- Mời học sinh thi kể trước lớp

- Giáo viên dán lên bảng tiêu chuẩn đánh giá bài kể chuyện.

+ Nội dung câu chuyện có mới, có hay

chuyện mà mình tìm được.

- Học sinh đọc đề bài

- Học sinh cùng GV phân tích đề bài

- Cả lớp theo dõi

- 4 HS tiếp nối nhau đọc lần lượt các gợi ý 1, 2, 3, 4

- Học sinh theo dõi và lắng nghe

- HS tiếp nối nhau giới thiệu với các bạn câu chuyện của mình (lớp đọc thầm lại gợi ý 3)

- Học sinh kể chuyện và trao đổi về nội dung theo nhóm đôi

- Học sinh xung phong kể trước lớp. Sau khi kể xong, HS cùng bạn trao đổi về nội dung, ý nghĩa câu chuyện

- HS xung phong thi kể trước lớp

- Học sinh theo dõi – nhận xét bạn, đánh giá dựa vào bảng tiêu chuẩn, bình chọn bạn kể chuyện hay nhất, hiểu câu chuyện



<p>không? (HS nào tìm được truyện ngoài SGK được tính thêm điểm ham đọc sách)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cách kể (giọng điệu, cử chỉ)</li> <li>+ Khả năng hiểu truyện của người kể.</li> <li>+ Cả lớp bình chọn bạn có câu chuyện hay nhất, bạn kể chuyện hấp dẫn nhất.</li> </ul> <p>- Giáo viên viết lần lượt lên bảng tên những HS tham gia thi kể &amp; tên truyện của các em (không viết sẵn, không chọn trước) để cả lớp nhớ khi nhận xét, bình chọn</p> <p>- Giáo viên khen những học sinh nhớ được, thuộc câu chuyện (đoạn truyện) mình thích, biết kể chuyện bằng giọng diễn cảm</p> <p>- Giáo viên nhận xét, tính điểm thi đua.</p> <p><b>3) Cũng cố - dặn dò:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu học sinh nêu lại nội dung, ý nghĩa của câu chuyện vừa kể</li> <li>- Yêu cầu HS về nhà tập kể lại câu chuyện cho người thân.</li> <li>- Chuẩn bị bài: <i>Một nhà thơ chân chính.</i></li> <li>- GV nhận xét tiết học, khen ngợi những HS kể hay, nghe bạn chăm chú, nêu nhận xét chính xác, biết đặt câu hỏi thú vị. Nhắc nhở, hướng dẫn những HS kể chuyện chưa đạt, tiếp tục luyện tập để cô kiểm tra lại ở tiết sau.</li> </ul>	<p>nhất</p> <p>- Cả lớp theo dõi</p> <p>- Học sinh thực hiện</p> <p>- Cả lớp theo dõi</p>
---	---

## TIẾT 5:

## LỊCH SỬ NƯỚC VĂN LANG

### I. MỤC TIÊU:

- Nắm được một số sự kiện về nhà nước Văn Lang: thời gian ra đời, những nét chính về đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ:

+ Khoảng 700 năm trước công nguyên nước Văn Lang, nhà nước đầu tiên trong lịch sử dân tộc ra đời.

+ Người Lạc Việt biết làm ruộng, ươm tơ, dệt lụa, đúc đồng làm vũ khí và công cụ sản xuất.

+ Người Lạc Việt ở nhà sàn, họp nhau thành các làng, bản.

+ Người Lạc Việt có tục nhuộm răng, ăn trầu; ngày lễ hội thường đua thuyền, đấu vật,...

### II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:

- Hình trong SGK phóng to
- Phiếu học tập
- Phóng to lược đồ Bắc Bộ & Bắc Trung Bộ.
- Bảng thống kê

Sản xuất	Ăn, uống	Mặc & trang điểm	Ở	Lễ hội
Lúa	Cơm, xôi	Phụ nữ dùng nhiều đồ trang sức	Nhà sàn	Vui chơi, nhảy múa
Khoai	Bánh chưng, bánh giầy	Nam tóc búi tó		Đua thuyền
Cây ăn quả	Uống rượu			Đấu vật
Ươm tơ dệt lụa	Làm mắm			
Đúc đồng: giáo mác, mũi				

tên riu				
Nặn đồ đất				
Đóng thuyền				

### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH						
<p><b>1) Kiểm tra bài cũ:</b> <i>Làm quen với bản đồ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu các bước sử dụng bản đồ?</li> <li>- Phương trên bản đồ được quy định như thế nào?</li> <li>- Giáo viên nhận xét ghi điểm</li> </ul> <p><b>2) Dạy bài mới:</b></p> <p><b>Giới thiệu bài:</b> <i>Nước Văn Lang</i></p> <p><b>Hoạt động 1: Làm việc cả lớp</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên treo lược đồ Bắc Bộ &amp; 1 phần Bắc Trung Bộ ngày nay và yêu cầu: hãy đọc thông tin SGK, xem lược đồ, tranh ảnh để hoàn thành bảng sau:</li> <li>- Trước khi cho HS hoạt động, GV giới thiệu về trục thời gian: Người ta quy ước năm 0 là năm Công nguyên (CN); phía bên trái hoặc phía dưới năm CN là những năm trước Công nguyên (TCN); phía bên phải hoặc phía trên năm CN là những năm sau Công nguyên (SCN)</li> <li>- Yêu cầu HS dựa vào kênh hình &amp; kênh chữ trong SGK, xác định địa phận của nước Văn Lang &amp; kinh đô Văn Lang trên bản đồ</li> <li>- Giáo viên nhận xét, chốt lại</li> </ul> <p><b>Hoạt động 2: Làm việc theo nhóm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên phát cho mỗi nhóm 1 khung bảng thống kê yêu cầu các nhóm trao đổi &amp; trình bày trước lớp</li> <li>- Giáo viên yêu cầu học sinh mô tả lại bằng ngôn ngữ của mình về đời sống của người dân Lạc Việt</li> <li>- Giáo viên cùng học sinh nhận xét chốt ý đúng:</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mặc và trang điểm: Phụ nữ dùng nhiều đồ trang sức đeo bông tai, vòng cổ, vòng tay, nam búi tóc hoặc cạo trọc đầu, nhuộm răng đen, ăn trà xanh mình.</li> <li>+ Họ ở nhà sàn, sống quây quần thành bản làng. Họ thờ thần Đất, thần Mặt Trời.</li> <li>+ Lễ hội: Vui chơi, nhảy múa, đua thuyền, đấu vật.</li> </ul> <p><b>3) Củng cố - dặn dò:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các vua Hùng là những người đã mở ra</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2 học sinh lên bảng trả lời và thực hành trên bản đồ.</li> <li>- Học sinh cả lớp theo dõi, nhận xét.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS dựa vào kênh hình &amp; kênh chữ trong SGK để xác định</li> </ul> <table border="1" data-bbox="884 748 1485 965"> <tr> <td>Tên nước</td> <td>Văn Lang</td> </tr> <tr> <td>Thời điểm ra đời</td> <td>Khoảng 700 năm TCN</td> </tr> <tr> <td>Khu vực hình thành</td> <td>Lưu vực sông Hồng, sông Mã, sông Cả</td> </tr> </table> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS dựa vào bảng nêu lại: <i>Nhà nước đầu tiên của người Lạc Việt là Văn Lang. Ra đời khoảng 700 năm TCN, ở lưu vực sông Hồng, sông Mã, sông Cả.</i></li> <li>- Học sinh dựa vào lược đồ SGK xác định địa phận nước Văn Lang,</li> <li>- Cả lớp theo dõi</li> <li>- Học sinh các nhóm thảo luận điền vào bảng thống kê – đại diện nhóm trình bày ý kiến – Các nhóm theo dõi nhận xét.</li> <li>- Học sinh dựa vào bảng thống kê mô tả lại bằng ngôn ngữ của mình.</li> <li>- Nhận xét, bổ sung, chốt lại:</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hoạt động sản xuất: Trồng lúa, khoai, cây ăn quả, ươm tơ, dệt lụa.... Đúc đồng làm giáo mác, mũi tên, rìu, lưỡi cày....Nặn đồ đất, đan rổ rá, đan thuyền nan, đóng thuyền gỗ.</li> <li>+ Ăn, uống: Họ nấu cơm xôi, bánh chưng, bánh giày, nấu rượu, làm mắm, muối dưa cà...</li> </ul>	Tên nước	Văn Lang	Thời điểm ra đời	Khoảng 700 năm TCN	Khu vực hình thành	Lưu vực sông Hồng, sông Mã, sông Cả
Tên nước	Văn Lang						
Thời điểm ra đời	Khoảng 700 năm TCN						
Khu vực hình thành	Lưu vực sông Hồng, sông Mã, sông Cả						

<p>những trang đầu tiên của lịch sử nước ta. Khi đến thăm đền Hùng, Bác Hồ đã nói: “Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước.”</p> <p>- Ngày giỗ tổ Hùng Vương là ngày nào?</p> <p>- Địa phương em còn lưu giữ những tục lệ nào của người Lạc Việt?</p> <p>- Xem trước bài: <i>Nước Âu Lạc</i></p> <p>- Giáo viên nhận xét tiết học</p>	<p>- HS trả lời: Ngày 10 tháng 3 âm lịch</p> <p>Trong dân gian có câu: <i>Dù ai đi ngược về xuôi</i> <i>Nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười tháng ba.</i></p> <p>- Học sinh trả lời. Các HS khác bổ sung: <b>Ví dụ:</b> ăn trầu, búi tóc, cạo trọc đầu, nấu xôi, làm bánh chưng, bánh giày, nhảy múa, đua thuyền....</p> <p>- Cả lớp theo dõi</p>
---	---

\*\*\*\*\*

**TIẾT 1:**

**THỂ DỤC  
GIÁO VIÊN BỘ MÔN THỰC HIỆN**

**TIẾT 2:**

**TẬP ĐỌC  
NGƯỜI ĂN XIN**

**I. MỤC TIÊU:**

- Đọc lưu loát toàn bài, giọng đọc nhẹ nhàng, bước đầu biết thể hiện được cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trong câu chuyện.
- Hiểu nội dung: Ca ngợi cậu bé có tấm lòng nhân hậu biết đồng cảm, thương xót trước nỗi bất hạnh của ông lão ăn xin nghèo khổ.
- Trả lời được câu hỏi 1, 2, 3 trong sách giáo khoa.
- \* **KNS:**
- Xác định giá trị (nhận biết được vẻ đẹp của những tấm lòng nhân hậu trong cuộc sống).
- Thể hiện sự cảm thông (biết cách thể hiện sự cảm thông, chia sẻ giúp đỡ, những người gặp khó khăn, hoạn nạn)
- Suy nghĩ sáng tạo (nhận xét, bình luận về vẻ đẹp của các nhân vật trong câu chuyện)

## **II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:**

Tranh minh họa. Bảng viết sẵn câu, đoạn văn cần hướng dẫn HS luyện đọc

## **III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU:**

<b>HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN</b>	<b>HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH</b>
<p><b>1) Kiểm tra bài cũ:</b> <i>Thư thăm bạn</i></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Giáo viên yêu cầu 3 học sinh nối tiếp nhau đọc bài và trả lời câu hỏi:</li><li>+ Bạn Lương viết thư cho bạn Hồng để làm gì?</li><li>+ Những câu văn nào cho thấy bạn Lương rất thông cảm và an ủi Hồng?</li><li>+ Nêu tác dụng của những dòng mở đầu &amp; kết thúc bức thư.</li></ul> <p>- Giáo viên nhận xét &amp; chấm điểm</p> <p><b>2) Dạy bài mới:</b></p> <p><b>Giới thiệu bài:</b> Hôm nay, các em sẽ tìm hiểu truyện <i>Người ăn xin</i> của nhà văn Nga Tuốc-giê-nhép.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Giáo viên đưa tranh minh họa cho học sinh quan sát</li></ul> <p><b>Hoạt động 1: Hướng dẫn luyện đọc</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Giáo viên giúp học sinh chia đoạn bài tập đọc: Bài này chia làm mấy đoạn?</li><li>- Giáo viên yêu cầu HS luyện đọc theo trình tự các đoạn trong bài (đọc 2, 3 lượt)</li></ul> <p><u>Lượt đọc thứ 1:</u></p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ GV chú ý nhắc HS nghỉ hơi dài sau dấu ba chấm (chấm lửng): <i>Đôi môi tái nhợt, áo quần tả tơi thảm hại ...</i> để thể hiện sự ngậm ngùi, xót thương.</li><li>+ Đọc đúng những câu có dấu chấm cảm <i>Chao ôi ! Cảnh nghèo đói ..... biết nhường nào !</i> (đọc như một lời than) <i>Cháu ơi, cảm ơn cháu ! ..... đã cho lão rồi</i> (lời cảm ơn chân thành, xúc động)</li><li>+ Đọc phân biệt lời nhân vật: lời cậu bé đọc với giọng xót thương ông lão; lời ông lão xúc động trước tình cảm chân thành của cậu bé</li></ul> <p><u>Lượt đọc thứ 2:</u> GV yêu cầu HS đọc thầm phần chú thích các từ mới ở cuối bài đọc. GV giải nghĩa thêm các từ:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ <i>lấy bẫy</i>: run rẩy, yếu đuối, không tự chủ được</li><li>+ <i>khản đặc</i>: bị mất giọng, nói gàn như không ra tiếng</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- 3 HS nối tiếp nhau đọc bài và trả lời câu hỏi.</li><li>- HS cả lớp theo dõi - nhận xét bạn.</li><li>- Cả lớp theo dõi</li><li>- Học sinh quan sát tranh minh họa</li><li>- HS: Được chia làm 3 đoạn:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Đoạn 1: từ đầu ..... xin cứu giúp</li><li>+ Đoạn 2: tiếp theo ..... không có gì cho ông cả</li><li>+ Đoạn 3: phần còn lại</li></ul></li><li>- Mỗi HS đọc 1 đoạn theo trình tự các đoạn trong bài tập đọc</li><li>+ HS nhận xét cách đọc của bạn</li><li>- HS đọc thầm phần chú giải</li></ul>

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu học sinh luân phiên nhau đọc từng đoạn nhóm đôi</li> <li>- Đọc mẫu toàn bài văn (giọng nhẹ nhàng, thương cảm, đọc phân biệt lời nhân vật)</li> <li>- Mời học sinh đọc cả bài</li> <li>* GV nghe và nhận xét và sửa lỗi luyện đọc cho học sinh.</li> </ul> <p><b>Hoạt động 2: Hướng dẫn tìm hiểu bài</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên yêu cầu học sinh đọc thầm bài và thảo luận theo nhóm câu hỏi:</li> </ul> <p>+ Hình ảnh ông lão ăn xin đáng thương như thế nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên nhận xét &amp; chốt ý.</li> </ul> <p>+ Hành động &amp; lời nói ân cần của cậu bé chứng tỏ tình cảm của cậu đối với ông lão ăn xin như thế nào?</p> <p>- GV nhận xét &amp; chốt ý.</p> <p>+ Cậu bé không có gì cho ông lão, nhưng ông lão lại nói: “Nhu vậy là cháu đã cho lão rồi”. Em hiểu cậu bé đã cho ông lão cái gì?</p> <p>+ Theo em, cậu bé đã nhận được gì ở ông lão ăn xin?</p> <p>- Giáo viên giảng thêm: <i>Cậu bé không có gì cho ông lão, cậu chỉ có tấm lòng nhân hậu. Ông lão không nhận được vật gì, nhưng quý tấm lòng của cậu. Hai con người, hai thân phận, hai hoàn cảnh khác xa nhau nhưng vẫn cho được nhau, nhận được từ nhau những điều tốt đẹp. Đó chính là ý nghĩa sâu sắc của truyện này.</i></p> <p><b>Hoạt động 3: Hướng dẫn đọc diễn cảm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên mời học sinh đọc tiếp nối nhau từng đoạn trong bài</li> <li>- GV hướng dẫn để các em tìm giọng đọc &amp; thể hiện giọng đọc phù hợp nội dung từng đoạn.</li> <li>- GV treo bảng phụ có ghi đoạn văn cần đọc diễn cảm (<i>Tôi chẳng biết làm cách nào..... nhận được chút gì của ông lão</i>)</li> <li>- Yêu cầu học sinh luyện đọc diễn cảm theo nhóm đôi</li> <li>- Mời học sinh thi đọc trước lớp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh đọc theo nhóm đôi</li> <li>- Học sinh nghe</li> <li>- 1, 2 HS đọc lại toàn bài</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh chia nhóm thảo luận sau đó đại diện nhóm trình bày ý kiến, học sinh nhận xét bạn.</li> </ul> <p>+ Ông lão già lom khom, đôi mắt đỏ đọc, giàn giụa nước mắt, đôi môi tái nhợt, áo quần tả tơi, hình dáng xấu xí, bàn tay sưng húp bần thủ, giọng rên rỉ cầu xin.</p> <p>+ Hành động: Rất muốn cho ông lão một thứ gì đó nên cố gắng lục tìm hết túi nọ túi kia. Nắm chặt lấy bàn tay ông lão.</p> <p>- Lời nói: Xin ông lão đừng giận.</p> <p>Hành động và lời nói của cậu bé chứng tỏ cậu chân thành thương xót ông lão.</p> <p>+ Ông lão đã nhận được tình thương, sự thông cảm &amp; tôn trọng của cậu bé qua hành động cố gắng tìm quà tặng, qua lời xin lỗi chân thành, qua cái nắm tay rất chặt.</p> <p>- Cậu bé nhận được từ ông lão lòng biết ơn – sự đồng cảm: ông hiểu tấm lòng của cậu bé</p> <p><b>Nội dung chính:</b> Ca ngợi cậu bé có tấm lòng nhân hậu biết đồng cảm, thương xót trước nỗi bất hạnh của ông lão ăn xin nghèo khổ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mỗi học sinh đọc 1 đoạn theo trình tự các đoạn trong bài</li> <li>- Học sinh nhận xét, điều chỉnh lại cách đọc cho phù hợp</li> <li>- Cả lớp theo dõi</li> <li>- Học sinh luyện đọc diễn cảm đoạn văn theo cặp</li> <li>- Học sinh đọc trước lớp</li> </ul>
--	---

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận xét, góp ý, bình chọn</li> <li>- Yêu cầu học sinh nêu lại nội dung bài</li> <li>* <i>KNS - Xác định giá trị - Giao tiếp: ứng xử lịch sự trong giao tiếp - Thể hiện dự cảm thông.</i></li> <li><b>3) Củng cố - dặn dò:</b></li> <li>- Câu chuyện giúp em hiểu điều gì?</li>   <li>- Yêu cầu HS về nhà tiếp tục luyện đọc bài văn, tập kể lại câu chuyện trên.</li> <li>- Chuẩn bị bài: <i>Một người chính trực</i></li> <li>- GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận xét, bình chọn</li> <li>- Học sinh nêu</li>   <li>- HS phát biểu tự do (Khuyến chúng ta phải có tấm lòng nhân hậu / Hãy giúp đỡ người gặp khó khăn hoạn nạn / Quà tặng không nhất thiết phải là đồ vật cụ thể / Tình cảm chân thành &amp; sự thông cảm cũng là món quà quý...)</li> <li>- Cả lớp theo dõi</li> </ul>
--	--

### **TIẾT 3:**

### **TOÁN LUYỆN TẬP**

#### **I. MỤC TIÊU:**

- Đọc, viết thành thạo số đến lớp triệu.
- Nhận biết được giá trị của mỗi chữ số theo vị trí của nó trong mỗi số.

#### **II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:**

Sách giáo khoa. Bảng phụ

#### **III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU:**

<b>HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN</b>	<b>HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH</b>
<p><b>1) Kiểm tra bài cũ:</b> <i>Luyện tập</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kể tên các hàng đã học?</li> <li>- Lớp triệu gồm những hàng nào?</li> <li>- Nêu cách đọc, viết số?</li> </ul> <p><b>3) Dạy bài mới:</b></p> <p><b>Giới thiệu bài:</b> <i>Luyện tập</i></p> <p><b>Thực hành: <u>Bài tập 1:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu học sinh đọc đề bài.</li>   <li>- Yêu cầu học sinh đọc số theo cặp: 1 học sinh đọc số, 1 học sinh nêu giá trị chữ số 3.</li> <li>- Giáo viên nhận xét, bổ sung, chốt ý.</li> </ul> <p><b><u>Bài tập 2:</u> (a, b)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mời học sinh đọc yêu cầu bài tập</li> <li>- Yêu cầu 2HS viết số lên bảng phụ, cả lớp viết vào bảng con.</li>   <li>- Yêu cầu HS đứng tại chỗ đọc lại số vừa viết - GV theo dõi nhận xét.</li> </ul> <p><b><u>Bài tập 3:</u>(a)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho học sinh đọc yêu cầu bài tập</li> <li>- Bảng thống kê nội dung gì?</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh thực hiện</li>   <li>- Học sinh đọc: <i>Đọc và nêu giá trị của chữ số 3 của mỗi số sau:</i></li> <li>- Học sinh đọc và nêu giá trị chữ số 3 (Từng cặp HS đọc số trước lớp).</li> <li>- Học sinh cả lớp theo dõi - sửa bài</li>   <li>- Học sinh đọc: <i>Viết số, biết số đó gồm:</i></li> <li>- Cả lớp làm bài vào bảng con.</li> <li>a. 5 760 342      b. 5 706 342</li> <li>c. 50 076 342      d. 57 634 002</li> <li>- Học sinh đọc số</li> <li>- Cả lớp theo dõi nhận xét bạn.</li>   <li>- Học sinh đọc yêu cầu</li> <li>- HS: Bảng thống kê dân một số nước vào tháng 12 năm 1999.</li> </ul>

- Yêu cầu học sinh đọc bảng thống kê
  - Yêu cầu HS đọc câu hỏi và làm bài vào vở
  - Mời học sinh trả lời trước lớp
  - Giáo viên chấm điểm, nhận xét.
- b/ Viết theo thứ tự từ ít đến nhiều: Lào; Cam-pu-chia; Việt Nam; Liên Bang Nga; Hoa Kỳ; Ấn Độ.

**Bài tập 4:**

- Cho học sinh đọc yêu cầu bài tập
  - Giáo viên treo bảng phụ, hướng dẫn mẫu
  - Yêu cầu học sinh thảo luận theo nhóm
  - Mời đại diện lên bảng thi đua
- Nhận xét, bình chọn, tuyên dương

**4) Củng cố - dặn dò:**

- Giáo viên ghi 4 số có sáu, bảy, tám, chín chữ số vào thăm
- Đại diện nhóm lên ghi số, đọc số & nêu các chữ số ở hàng nào, lớp nào?
- Chuẩn bị bài: *Dãy số tự nhiên*
- Nhận xét tiết học

- HS tiếp nối nhau đọc bảng thống kê.
  - Học sinh làm bài vào vở.
  - Học sinh trả lời trước lớp
  - Nhận xét, bổ sung, sửa bài
- a/ Trong các nước đó:
- Nước có dân số nhiều nhất: Ấn Độ: 989 200 000 người.
  - Nước có số dân ít nhất: Lào: 5 300 000 người.

- Học sinh đọc nội dung bài tập.
- Cả lớp theo dõi
- Học sinh thảo luận theo nhóm
- Cử đại diện lên bảng thi đua ghi số và đọc số.
- Nhận xét, bình chọn

Viết	Đọc
1 000 000 000	“một nghìn triệu” hay “một tỉ”
5 000 000 000	“năm nghìn triệu” hay “năm tỉ”
315000000000	“ba trăm mười lăm triệu” hay “ba trăm mười lăm tỉ”.
3 000 000 000	“ba nghìn triệu” hay “ba tỉ”

- Học sinh thực hiện
- Cả lớp theo dõi

**TIẾT 4:****TẬP LÀM VĂN  
KỂ LẠI LỜI NÓI – Ý NGHĨ CỦA NHÂN VẬT****I. MỤC TIÊU:**

- Biết được hai cách kể lại lời nói, ý nghĩ của nhân vật và tác dụng của nó: nói lên tính cách nhân vật và ý nghĩa của câu chuyện (nội dung Ghi nhớ).

- Bước đầu biết kể lại lời nói, ý nghĩ của nhân vật trong bài văn kể chuyện theo 2 cách: trực tiếp, gián tiếp (bài tập mục III)

\* **KNS:** - *Giao tiếp: ứng xử lịch sự trong giao tiếp - Tìm kiếm và xử lý thông tin- Tư duy sáng tạo*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:**

- Bảng phụ & 2 màu phấn khác nhau để viết 2 cách dẫn lời khác nhau: lời nói trực tiếp & lời nói gián tiếp ở câu 3 phần Nhận xét.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU:**

<b>HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN</b>	<b>HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH</b>
<p><b>1) Kiểm tra bài cũ:</b> <i>Tả ngoại hình của nhân vật trong bài văn kể chuyện.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu học sinh nhắc lại nội dung cần ghi nhớ?</li> <li>- Khi cần tả ngoại hình của nhân vật, cần chú ý tả những gì?</li> <li>- Lấy ví dụ về cách tả ngoại hình nhân vật trong truyện “<i>Người ăn xin</i>”?</li> <li>- Giáo viên nhận xét, tuyên dương</li> </ul> <p><b>3) Dạy bài mới:</b> <b>Giới thiệu bài:</b> <i>GV ghi bảng đầu bài</i></p> <p><b>Hoạt động 1:</b> Hướng dẫn học sinh học phần nhận xét</p> <p><b>Bài 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi HS đọc yêu cầu của bài.</li> <li>- Yêu cầu cả lớp đọc bài <i>Người ăn xin</i>, viết nhanh ra nháp những câu ghi lại lời nói, ý nghĩ của cậu bé.</li> <li>- Mời học sinh nêu trước lớp</li> <li>- GV cùng HS nhận xét tuyên dương phần trình bày của học sinh.</li> </ul> <p><b>Bài 2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu học sinh đọc đề bài</li> <li>- Lời nói &amp; ý nghĩ của cậu bé nói lên điều gì về cậu?</li> <li>- Yêu cầu học sinh phát biểu trước lớp</li> <li>- Nhận xét bổ sung, chốt lại</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1 học sinh nhắc lại ghi nhớ bài.</li> <li>- Những đặc điểm ngoại hình tiêu biểu, hoặc thân phận của nhân vật.</li> <li>- HS nêu – cả lớp theo dõi câu trả lời của bạn – nhận xét.</li> <li>- Cả lớp theo dõi</li> <li>- 1 HS đọc yêu cầu của bài</li> <li>- Cả lớp đọc bài, viết nhanh ra nháp, nêu trước lớp.</li> <li>- Học sinh nêu trước lớp</li> <li>- Nhận xét, bổ sung. + Câu ghi lại ý nghĩ: <i>Chao ôi! Cảnh nghèo đói đã gặm nát con người đau khổ kia thành xấu xí biết nhường nào! Cả tôi nữa....của ông lão.</i></li> <li>+ Câu ghi lại lời nói: <i>Ông đừng giận cháu, cháu không có gì để cho ông cả.</i></li> <li>- HS đọc yêu cầu của bài.</li> <li>- Cả lớp trao đổi, trả lời câu hỏi</li> <li>- Học sinh trả lời trước lớp</li> <li>- Nhận xét, bổ sung, chốt lại: <i>Cậu là một con người nhân hậu, giàu lòng trắc ẩn,</i></li> </ul>



### **Bài 3:**

- Mời học sinh yêu cầu và nội dung bài tập
- Yêu cầu học sinh suy nghĩ và làm bài
- Mời học sinh trình bày trước lớp
- Nhận xét, bổ sung, chốt lại ý đúng
- Giáo viên sử dụng bảng phụ đã ghi sẵn 2 cách kể lại lời nói, ý nghĩ của ông lão bằng 2 loại phấn màu khác nhau để học sinh dễ phân biệt.

### **Hoạt động 2:**

- Hướng dẫn học sinh học thuộc phần Ghi nhớ
- Yêu cầu học sinh đọc ghi nhớ bài.

### **Hoạt động 3:** Hướng dẫn phần luyện tập

#### **Bài tập 1:**

- Giáo viên mời học sinh đọc yêu cầu và nội dung bài tập
- Yêu cầu học sinh thảo luận nhóm
- GV nhắc: Câu văn nào có từ xưng hô ở ngôi thứ nhất chỉ chính người nói (tớ) – đó là lời nói trực tiếp. Câu văn nào có từ xưng hô ở ngôi thứ 3 (ba cậu bé) – đó là lời nói gián tiếp.
- Mời đại diện trình bày kết quả thảo luận
- Nhận xét, bổ sung, chốt lại
- + Lời của cậu bé thứ hai: *Còn tớ, tớ...ông ngoại; & lời của cậu bé thứ ba: Theo tớ, ...bố mẹ được kể theo cách trực tiếp.*

#### **Bài tập 2:**

- Giáo viên mời học sinh đọc yêu cầu và nội dung bài tập
- GV gợi ý: Muốn chuyển lời nói gián tiếp thành lời nói trực tiếp thì phải nắm vững đó là lời nói của ai, nói với ai. Khi chuyển:
  - + Phải thay đổi từ xưng hô, nếu người nói về mình.
  - + Phải đặt lời nói trực tiếp vào dấu hai chấm

*thương người.*

- Học sinh đọc: *Lời nói, ý nghĩ của ông lão ăn xin trong 2 cách kể sau đây có gì khác nhau?*

- Học sinh suy nghĩ và làm bài
- Học sinh trình bày trước lớp
- Nhận xét, bổ sung, chốt lại ý đúng
  - a) Cách 1: Tác giả dẫn trực tiếp, nguyên văn lời của ông lão. Do đó các từ xưng hô của chính ông lão với cậu bé (cháu – lão)
  - b) Cách 2: Tác giả (nhân vật xưng hô tôi) thuật lại gián tiếp lời của ông lão. Người kể xưng tôi, gọi người ăn xin là ông lão

- Vài HS đọc ghi nhớ trong SGK.
- Cả lớp đọc thầm lại.

- HS đọc: *Tìm lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp trong đoạn văn sau;*

- HS trao đổi nhóm để tìm lời nói trực tiếp & gián tiếp của các nhân vật trong đoạn văn

- Đại diện nhóm trình bày trước lớp.
- Nhận xét, bổ sung, chốt lại
  - + Lời của cậu bé thứ nhất được kể theo cách gián tiếp: *Cậu bé thứ nhất định nói dối là bị chó sói đuổi. Lời bàn nhau của 3 cậu bé cũng được kể theo cách gián tiếp: Ba cậu bàn nhau xem nên nói thế nào để bố mẹ khỏi mắng.*

- Học sinh đọc: *Chuyển lời dẫn gián tiếp trong đoạn văn sau thành lời dẫn trực tiếp*

- Cả lớp theo dõi

<p>&amp; ngoặc kép, hoặc dùng dấu hai chấm, (xuống dòng) rồi gạch đầu dòng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu học sinh làm bài vào vở (VBT)</li> <li>- Mời học sinh trình bày trước lớp</li> <li>- Nhận xét, bổ sung, sửa bài vào vở</li> </ul> <p><b>Bài tập 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên mời học sinh đọc yêu cầu và nội dung bài tập</li> <li>- GV gợi ý: Muốn chuyển lời nói trực tiếp thành lời nói gián tiếp cần xác định rõ đó là lời của ai với ai &amp; tiến hành: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thay đổi từ xưng hô.</li> <li>+ Bỏ các dấu ngoặc kép hoặc gạch đầu dòng, gộp lại lời kể chuyện với lời nói của nhân vật.</li> </ul> </li> <li>- Yêu cầu học sinh làm bài vào vở (VBT)</li> <li>- Mời học sinh trình bày trước lớp</li> <li>- Nhận xét, bổ sung, sửa bài vào vở</li> </ul> <p><i>* KNS: -Giao tiếp: ứng xử lịch sự trong giao tiếp - Tìm kiếm và xử lý thông tin - Tư duy sáng tạo</i></p> <p><b>3) <u>Củng cố - dặn dò:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu học sinh đọc lại phần Ghi nhớ</li> <li>- Yêu cầu học sinh về nhà học thuộc nội dung bài học cần ghi nhớ.</li> <li>- Chuẩn bị : <i>Viết thư.</i></li> <li>- Giáo viên nhận xét tiết học.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cả lớp làm vào vở.</li> <li>- Học sinh trình bày trước lớp</li> <li>- Nhận xét, bổ sung, sửa bài vào vở</li> <li>- Học sinh đọc: <i>Chuyển lời dẫn trực tiếp trong đoạn văn sau thành lời dẫn gián tiếp</i></li> <li>- Cả lớp theo dõi</li> <li>- Cả lớp làm vào vở.</li> <li>- Học sinh trình bày trước lớp</li> <li>- Nhận xét, bổ sung, sửa bài vào vở</li> <li>- Học sinh thực hiện</li> <li>- Cả lớp theo dõi</li> </ul>
--	--

**TIẾT 1:**

**TOÁN**  
**DÃY SỐ TỰ NHIÊN**

**I. MỤC TIÊU:**

- Bước đầu nhận biết về số tự nhiên, dãy số tự nhiên và một số đặc điểm của dãy số tự nhiên.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:**

- Sách giáo khoa - Vẽ sẵn tia số (như SGK) vào bảng.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p><b>1) Kiểm tra bài cũ:</b> <i>Luyện tập</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kể tên các hàng đã học?</li> <li>- Lớp triệu gồm những hàng nào?</li> <li>- Nêu cách đọc, viết số? GV nhận xét.</li> </ul> <p><b>2) Dạy bài mới:</b></p> <p><b>Giới thiệu bài:</b> <i>Dãy số tự nhiên</i></p> <p><b>Hoạt động1:</b> Giáo viên giới thiệu số tự nhiên và dãy số</p> <p><b>a) Số tự nhiên</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu học sinh nêu vài số đã học, giáo viên ghi bảng (nếu không phải số tự nhiên giáo viên ghi riêng qua một bên)</li> <li>- Giáo viên chỉ vào các số tự nhiên trên bảng &amp; giới thiệu: Đây là các số tự nhiên. Các số <math>1/6, 1/10...</math> không là số tự nhiên.</li> </ul> <p><b>b. Dãy số tự nhiên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HS nêu các số theo thứ tự từ bé đến lớn, GV ghi bảng.</li> <li>- GV nói: Tất cả các số tự nhiên được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn tạo thành dãy số tự nhiên.</li> <li>- Giáo viên nêu lần lượt từng dãy số rồi cho học sinh nhận xét xem dãy số nào là dãy số tự nhiên, dãy số nào không phải là dãy số tự nhiên</li> </ul> <p>+ 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, ....</p> <p>+ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, ....</p> <p>+ 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10</p> <p>+ 0, 2, 4, 6, 8, 10, 12, 14, .....</p> <p>+ 1, 3, 5, 7, 9, 11, 13, 15...</p> <p><b>GV lưu ý:</b> <i>đây không phải là dãy số tự nhiên</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh thực hiện</li> <li>- Cả lớp theo dõi</li> <li>- HS nêu: 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10...</li> <li>- Cả lớp theo dõi</li> <li>- Học sinh nêu trước 1</li> <li>- Học sinh theo dõi rồi nêu lại</li> <li>- Học sinh nhận xét:</li> <li>+ Là dãy số tự nhiên, ba dấu chấm để chỉ những số tự nhiên lớn hơn 10</li> <li>+ Không phải là dãy số tự nhiên vì thiếu số 0; đây là một bộ phận của dãy số tự nhiên</li> <li>+ Không phải là dãy số tự nhiên vì thiếu các số tự nhiên lớn hơn 10; đây cũng là một bộ phận của dãy số tự nhiên</li> <li>+ Không phải là dãy số tự nhiên vì thiếu các số lẻ 1, 3, 5...</li> <li>+ Không phải là dãy số tự nhiên vì thiếu các số chẵn: 0, 2, 4...</li> </ul>

*nhưng các số trong dãy này đều là các số tự nhiên (tránh cho HS hiểu lầm không phải là dãy số tự nhiên tức là các số đó không phải là số tự nhiên)*

- Giáo viên đưa bảng phụ có vẽ tia số và yêu cầu học sinh nêu nhận xét về hình vẽ này

- Giáo viên chốt lại ý chính.

**Hoạt động 2:** Giới thiệu một số đặc điểm của dãy số tự nhiên

- Giáo viên để lại trên bảng dãy số tự nhiên: 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, ....

+ Thêm 1 vào 5 thì được mấy?

+ Thêm 1 vào 10 thì được mấy?

+ Thêm 1 vào 99 thì được mấy?

+ Nếu cứ thêm 1 vào bất cứ số tự nhiên nào thì sẽ được gì?

- *Nếu cứ thêm 1 vào bất cứ số tự nhiên nào thì sẽ được số tự nhiên liền sau số đó, như thế dãy số tự nhiên có thể kéo dài mãi, điều đó chứng tỏ không có số tự nhiên lớn nhất.*

- Yêu cầu HS nêu thêm một số ví dụ.

- Bớt 1 ở bất kì số tự nhiên nào sẽ được số tự nhiên liền trước số đó.

- Yêu cầu HS nêu ví dụ.

- Có thể bớt 1 ở số 0 để được số tự nhiên khác không?

- Như vậy có số tự nhiên nào liền trước số 0 không? Số tự nhiên bé nhất là số nào?

- Số 5 và 6 hơn kém nhau mấy đơn vị?

- Giáo viên nhận xét kết luận : Trong dãy số tự nhiên, hai số liên tiếp nhau thì hơn kém nhau 1 đơn vị

**Hoạt động 3: Thực hành**

**Bài tập 1:** - Mời học sinh đọc yêu cầu bài

- Yêu cầu học sinh thảo luận theo cặp, ghi kết quả vào vở

- Mời học sinh trình bày trước lớp

- Nhận xét, bổ sung, chốt lại

**Bài tập 2:**

- HS nhận xét: + Đây là tia số

+ Trên tia số này mỗi số của dãy số tự nhiên ứng với một điểm của tia số

+ Số 0 ứng với điểm gốc của tia số

Chúng ta đã biểu diễn dãy số tự nhiên trên tia số.

- Cả lớp theo dõi

- Học sinh theo dõi và trả lời

+ Thêm 1 vào 5 thì được 6

+ Thêm 1 vào 10 thì được 11

+ Thêm 1 vào 99 thì được 100

+ Nếu cứ thêm 1 vào bất cứ số tự nhiên nào thì sẽ được số tự nhiên liền sau số đó

- Cả lớp theo dõi

- Học sinh nêu thêm ví dụ

- Học sinh theo dõi

- Học sinh nêu ví dụ

- Học sinh: Không

- Không thể bớt 1 ở số 0 vì 0 là số tự nhiên bé nhất. Không có số tự nhiên liền trước số 0. - Số tự nhiên bé nhất là số 0. - 0 đơn vị

- Hai số này hơn kém nhau 1 đơn vị

Vài HS nhắc lại

- HS đọc: *Viết số tự nhiên liền sau của mỗi số sau vào ô trống:*

- Học sinh thảo luận theo cặp, ghi kết quả vào vở

- Từng cặp học sinh trình bày làm

- Nhận xét, bổ sung, thống nhất kết quả

6 ; 7 / 29; 30 / 99; 100 / 100; 101 / 1000; 1001.

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mời học sinh đọc yêu cầu bài</li> <li>- Yêu cầu học sinh thảo luận theo cặp, ghi kết quả vào vở</li> <li>- Mời học sinh trình bày trước lớp</li> <li>- Nhận xét, bổ sung, chốt lại</li> </ul> <p><b><u>Bài tập 3:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mời học sinh đọc yêu cầu bài</li> <li>- Yêu cầu học sinh làm vào vở</li> <li>- Mời học sinh trình bày trước lớp</li> <li>- Nhận xét, bổ sung, chốt lại</li> </ul> <p><b><u>Bài tập 4: (a hsdc)</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mời học sinh đọc yêu cầu bài</li> <li>- Yêu cầu học sinh làm vào vở</li> <li>- Mời học sinh trình bày trước lớp</li> <li>- Nhận xét, bổ sung, chốt lại</li> </ul> <p>- Em có nhận xét gì kết quả của bài tập 4</p> <p><b><u>3) Củng cố - dặn dò:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thế nào là dãy số tự nhiên?</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu đặc điểm của dãy số tự nhiên mà em được học?</li> <li>- Chuẩn bị bài: <i>Viết số tự nhiên trong hệ thập phân</i></li> <li>- Nhận xét tiết học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc: <i>Viết số tự nhiên liền trước của mỗi số sau vào ô trống:</i></li> <li>- Học sinh thảo luận theo cặp, ghi kết quả vào vở</li> <li>- Từng cặp học sinh trình bày làm</li> <li>- Nhận xét, bổ sung, thống nhất kết quả 11; 12 / 99; 100 / 999; 1000 / 1001; 1002 / 9 999; 10 000</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc: <i>Viết số thích hợp vào chỗ chấm để có ba số sau vào ô trống.</i></li> <li>- Cả lớp làm bài vào vở.</li> <li>- Học sinh trình bày trước lớp</li> <li>- Nhận xét, bổ sung, chốt lại: a) 4; 5; 6.    b) 86; 87; 88. c) 896; 897; 898.    d) 9; 10; 11. e) 99; 100; 101.    g) 9998; 9999; 10000</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc: <i>Viết số thích hợp vào chỗ chấm để có ba số sau vào ô trống.</i></li> <li>- Cả lớp làm bài vào vở.</li> <li>- Học sinh trình bày trước lớp</li> <li>- Nhận xét, bổ sung, chốt lại a) 909; 910; 911; 912; 913; 914; 915; 916. b) 0; 2; 4 ; 6; 8; 10; 12; 14; 16; 18; 20. c) 1; 3; 5; 7; 9; 11; 13; 15; 17; 19; 21.</li> <li>- Dãy số 4b là dãy số chẵn. Dãy số 4c là dãy số lẻ.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các số tự nhiên sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn tạo thành dãy số tự nhiên.</li> <li>- 0 là số tự nhiên bé nhất. Không có số tự nhiên nào lớn nhất.</li> <li>- Trong dãy số tự nhiên, hai số tự nhiên liên tiếp thì hơn hoặc kém nhau 1 đơn vị.</li> <li>- Cả lớp theo dõi</li> </ul>
---	---

## TIẾT 2:

# LUYỆN TỪ & CÂU

## MỞ RỘNG VỐN TỪ: NHÂN HẬU – ĐOÀN KẾT

### I. MỤC TIÊU:

- Biết thêm một số từ ngữ (gồm cả thành ngữ, tục ngữ và từ Hán Việt thông dụng) về chủ điểm Nhân hậu – Đoàn kết (BT2, BT3, BT4); biết cách mở rộng vốn từ có tiếng **hiền**, tiếng **ác** (BT1)

- Yêu thích tìm hiểu Tiếng Việt.

\* **GDBVMT: Khai thác trực tiếp nội dung bài: GD tính lương thiện cho HS (biết sống nhân hậu – đoàn kết)**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:** Giáo án, SGK

### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p><b>1) Kiểm tra bài cũ:</b> Từ đơn &amp; từ phức</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Từ đơn (từ phức) là từ như thế nào?</li><li>- Tiếng dùng để làm gì? Từ dùng để làm gì? Nêu ví dụ.</li><li>- Giáo viên nhận xét &amp; chấm điểm</li></ul> <p><b>2) Dạy bài mới:</b></p> <p><b>2.1) Giới thiệu bài:</b> Qua các bài học trong hơn 2 tuần qua, các em đã biết nhiều từ ngữ nói về lòng nhân hậu, thương người, sự đoàn kết. Bài học hôm nay tiếp tục mở rộng thêm vốn từ thuộc chủ điểm này.</p> <p><b>2.2) Hướng dẫn luyện tập</b></p> <p><b>Bài tập 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Giáo viên mời học sinh đọc yêu cầu của bài tập, đọc cả mẫu</li><li>- GV hướng dẫn HS tìm từ trong từ điển: Khi tìm các từ bắt đầu bằng tiếng <b>hiền</b>, các em hãy mở từ điển tìm chữ <b>h</b>, vần <b>iên</b>. Khi tìm từ bắt đầu bằng tiếng <b>ác</b>, mở trang bắt đầu bằng chữ <b>a</b>, tìm vần <b>ac</b> .....</li><li>- Giáo viên yêu cầu học sinh làm theo nhóm và có thể sử dụng từ điển hoặc huy động trí nhớ để tìm các từ có tiếng <b>hiền</b>, các từ có tiếng <b>ác</b></li><li>- Mời đại diện nhóm trình bày kết quả</li><li>- GV nhận xét &amp; cùng trọng tài tính điểm thi đua, kết luận nhóm thắng cuộc (nhóm tìm đúng / nhiều từ)</li></ul> <p><b>Bài tập 2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Mời học sinh đọc yêu cầu của bài tập</li><li>- GV lưu ý HS: từ nào chưa hiểu cần hỏi ngay</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Học sinh trả lời trước lớp</li><li>- HS cả lớp theo dõi nhận xét.</li> <li>- Cả lớp theo dõi</li> <li>- HS đọc: Tìm các từ chứa tiếng <b>hiền</b>, chứa tiếng <b>ác</b></li><li>- Học sinh theo dõi hướng dẫn</li> <li>- HS có thể sử dụng từ điển hoặc huy động trí nhớ để tìm các từ có tiếng <b>hiền</b>, các từ có tiếng <b>ác</b>. Học sinh làm việc theo nhóm</li><li>- Đại diện các nhóm trình bày kết quả trên bảng.</li><li>- Nhận xét, bổ sung, chốt lại<ul style="list-style-type: none"><li>a) <i>hiền lành, hiền đức, hiền hậu, hiền đức, ...</i></li><li>b) <i>ác độc, ác bá, ác nghiệt, ác quỷ, ác tâm, ác tính, ác thú, ác cảm, ...</i></li></ul></li> <li>- HS đọc: Xếp các từ sau vào ô thích hợp trong bảng:</li><li>- Cả lớp theo dõi</li></ul>

- giáo viên hoặc tra từ điển
- Chia nhóm, phiếu cho mỗi nhóm và yêu cầu học sinh làm bài vào vở
  - Mời đại diện các nhóm lên trình bày
  - GV nhận xét & cùng trọng tài tính điểm thi đua, kết luận nhóm thắng cuộc (nhóm tìm đúng / nhiều từ)

### Bài tập 3:

- Mời HS đọc yêu cầu của bài tập
- GV gợi ý: Em phải chọn từ nào trong ngoặc mà nghĩa của nó phù hợp với nghĩa của các từ khác trong câu, điền vào ô trống sẽ tạo thành câu có nghĩa hợp lí.
- Yêu cầu học sinh làm bài vào vở (VBT)
- Mời học sinh trình bày bài làm
- GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng.

### Bài tập 4:

- Mời học sinh đọc yêu cầu của bài tập
- GV gợi ý: Muốn hiểu biết các thành ngữ, tục ngữ, em phải hiểu cả nghĩa đen & nghĩa bóng. Nghĩa bóng của các thành ngữ, tục ngữ có thể suy ra từ nghĩa đen của các từ.
- Yêu cầu học sinh nêu nghĩa của các câu thành ngữ và tục ngữ
- Giáo viên nhận xét, chốt lại ý kiến đúng
- c) Nường cơm sẻ áo: Giúp đỡ nhau, san sẻ cho nhau những lúc khó khăn, hoạn nạn.
- d) Lá lành đùm lá rách : Người may mắn giúp người bất hạnh, người giàu có giúp người nghèo khổ, người khoẻ mạnh giúp người ốm yếu.

- Các nhóm nhận phiếu làm bài.
- Đại diện các nhóm lên dán bài trên bảng lớp và trình bày kết quả
- Nhận xét, bổ sung, sửa bài

	+	-
Nhân hậu	nhân ái, hiền hậu, phúc hậu, đôn hậu, trung hậu, nhân từ.	Tàn ác, hung ác, độc ác, tàn bạo
Đoàn kết	cuu mang, che chở, đùm bọc.	Đè nén, áp bức, chia rẽ.

- HS đọc YC.
- HS đọc: *Em chọn từ ngữ nào trong ngoặc đơn (đắt, cọt, bụt, chị em gái) điền vào ô trống để hoàn chỉnh các thành ngữ dưới đây?*
- Cả lớp theo dõi
- Học sinh trao đổi nhóm đôi
- Học sinh trình bày kết quả.
- Nhận xét, chốt lại:
  - Hiền như **bụt** (hoặc **đắt**)
  - Lành như **đắt** (hoặc **bụt**)
  - Dữ như **cọt** (hoặc **hổ cái**)
  - Thương nhau như **chị em gái**.
- HS đọc: *Em hiểu nghĩa của các thành ngữ, tục ngữ dưới đây như thế nào?*
- Cả lớp theo dõi
- Vài HS đọc thuộc lòng các thành ngữ đã hoàn chỉnh, sau đó viết lại vào VBT
- Học sinh phát biểu ý kiến trước lớp
- Học sinh nhận xét, bổ sung, chốt lại
  - Môi hở răng lạnh: Ý nói những người ruột thịt, gần gũi, hàng xóm láng giềng phải biết che chở, đùm bọc nhau.
  - Máu chảy ruột mềm: Những người thân gặp hoạn nạn mọi người trong gia đình đều cảm thấy đau đớn.

<p><b>3) Củng cố - dặn dò:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu học sinh học thuộc các câu tục ngữ, thành ngữ</li> <li>- Nêu lại nội dung tiết học</li> <li>- Dẫn học sinh HTL các thành ngữ, tục ngữ. Viết vào vở tình huống sử dụng 1 thành ngữ hoặc tục ngữ.</li> <li>- Chuẩn bị bài: <i>Từ ghép và từ láy.</i></li> <li>- GV NX tinh thần, thái độ học tập của HS.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh thực hiện</li> <li>- Cả lớp theo dõi</li> </ul>
---	---

**TIẾT 3:**

**ĐỊA LÝ**  
**MỘT SỐ DÂN TỘC Ở HOÀNG LIÊN SƠN**

**I. MỤC TIÊU:**

- Nêu được một số dân tộc ít người ở Hoàng Liên Sơn: Thái, Dao, Mông,....
- Biết Hoàng Liên là nơi dân cư thưa thớt.
- Sử dụng được tranh ảnh để mô tả nhà sàn và trang phục của một số dân tộc ở Hoàng Liên Sơn:
  - + Trang phục: mỗi dân tộc có cách ăn mặc riêng; Trang phục của các dân tộc được may, thêu, trang trí rất công phu và thường có màu sắc sặc sỡ...
  - + Nhà sàn: được làm từ các vật liệu tự nhiên như gỗ, tre, nứa.

**\* GDMT:**

- Sự thích nghi và cải tạo môi trường của con người ở miền núi và Trung du
- + Làm nhà sàn để tránh ẩm thấp và thú dữ
- + Trồng trọt trên đất dốc
- + Khai thác khoáng sản, rừng, sức nước
- + Trồng cây công nghiệp trên đất ba dan

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:**

- Sách giáo khoa. Tranh ảnh về nhà sàn, trang phục, lễ hội, sinh hoạt của một số dân tộc ở vùng núi Hoàng Liên Sơn

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p><b>1) Kiểm tra bài cũ:</b> <i>Dãy núi Hoàng Liên Sơn</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hãy chỉ vị trí của dãy núi Hoàng Liên Sơn trên bản đồ tự nhiên Việt Nam &amp; cho biết nó có đặc điểm gì?</li> <li>- Khí hậu ở vùng núi cao Hoàng Liên Sơn như thế nào?</li> <li>- Giáo viên nhận xét, ghi điểm</li> </ul> <p><b>2) Dạy bài mới:</b></p> <p>Giới thiệu bài: <i>Một số dân tộc ở Hoàng Liên Sơn</i></p> <p><b>Hoạt động 1: Hoạt động cá nhân</b></p> <p>* Yêu cầu học sinh đọc mục 1 và trả lời câu hỏi sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dân cư ở vùng núi Hoàng Liên Sơn đông</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2HS chỉ trên bản đồ và trả lời câu hỏi.</li> <li>- HS cả lớp theo dõi nhận xét.</li> <li>- Học sinh nêu</li> <li>- Cả lớp theo dõi</li> <li>* Học sinh đọc mục 1 và trả lời:</li> <li>- Dân cư ở Hoàng Liên Sơn thưa thớt</li> </ul>